

Số: 01/QĐ-ĐHCNTT-CTSV

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 04 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập  
Học kỳ 2 - Năm học 2013- 2014 cho sinh viên hệ chính quy

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-ĐHCNTT-CTSV ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM;

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng xét duyệt học bổng khuyến khích học tập Trường Đại học Công nghệ Thông tin;

Xét đề nghị của Hội đồng xét duyệt học bổng khuyến khích học tập và Trưởng phòng Công tác Sinh viên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 2 năm học 2013-2014 cho các sinh viên đã có thành tích cao trong học tập và rèn luyện (theo danh sách đính kèm).

**Điều 2.** Sinh viên được nhận học bổng theo quy định của Nhà nước.

**Điều 3.** Các Ông/Bà Trưởng các Phòng, Ban chức năng có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, CTSV. 

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



  
Vũ Đức Lung



**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY  
NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP  
Học kỳ 2 – Năm học 2013-2014**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01 /QĐ-ĐHCNTT-CTSV, ngày 13 tháng 01 năm 2015)

| Stt | MSSV     | Họ tên                | Lớp      | ĐTB<br>HK | ĐRL | Xếp loại | Số tiền   |
|-----|----------|-----------------------|----------|-----------|-----|----------|-----------|
| 1.  | 12520060 | Nguyễn Thành Đạt      | ANTN2012 | 8.44      | 88  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 2.  | 12520523 | Nguyễn Duy Ý          | ANTN2012 | 8.67      | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 3.  | 12520980 | Đặng Minh Trí         | ANTN2012 | 8.44      | 91  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 4.  | 13520180 | Huỳnh Văn Đăng        | ANTN2013 | 8.74      | 96  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 5.  | 13520334 | Châu Thiện Hưng       | ANTN2013 | 8.95      | 94  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 6.  | 13520466 | Nguyễn Xuân Long      | ANTN2013 | 8.79      | 93  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 7.  | 13520260 | Đỗ Thị Thu Hiền       | ANTN2013 | 9.55      | 94  | Xuất sắc | 3,600,000 |
| 8.  | 13520833 | Lê Hữu Thịnh          | ANTT2013 | 7.26      | 88  | Khá      | 2,500,000 |
| 9.  | 13520956 | Nguyễn Viết Trung     | ANTT2013 | 7.3       | 100 | Khá      | 2,500,000 |
| 10. | 13520241 | Bùi Thị Thanh Hằng    | ANTT2013 | 8.3       | 98  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 11. | 13520294 | Đặng Phan Xuân Hoàng  | ANTT2013 | 8.25      | 98  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 12. | 13520126 | Lê Thị Kim Dung       | CNTT2013 | 7.15      | 98  | Khá      | 2,500,000 |
| 13. | 13520340 | Trần Thị Hương        | CNTT2013 | 7.18      | 100 | Khá      | 2,500,000 |
| 14. | 13520439 | Phạm Thị Huỳnh Liên   | CNTT2013 | 7.32      | 91  | Khá      | 2,500,000 |
| 15. | 13520535 | Lê Thị Tài Ngân       | CNTT2013 | 7.85      | 100 | Khá      | 2,500,000 |
| 16. | 13520116 | Quách Thị Diệu        | CNTT2013 | 8         | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 17. | 13520246 | Trần Diệu Đức Hạnh    | CNTT2013 | 8.25      | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 18. | 13520787 | Đỗ Xuân Thành         | CNTT2013 | 8.02      | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 19. | 10520563 | Lê Phước Ái           | HTTT2010 | 7.47      | 73  | Khá      | 2,500,000 |
| 20. | 10520594 | Nguyễn Phạm Diễm Hằng | HTTT2010 | 7.88      | 85  | Khá      | 2,500,000 |
| 21. | 10520018 | Nguyễn Thuận Hoà      | HTTT2010 | 8.03      | 85  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 22. | 10520566 | Nguyễn Thế Anh        | HTTT2010 | 9.01      | 88  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 23. | 10520575 | Võ Thị Trang Châu     | HTTT2010 | 8.41      | 80  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 24. | 10520597 | Nguyễn Văn Hùng       | HTTT2010 | 8.91      | 100 | Giỏi     | 3,300,000 |
| 25. | 11520102 | Nguyễn Công Hiến      | HTTT2011 | 7.88      | 95  | Khá      | 2,500,000 |
| 26. | 11520032 | Đinh Nguyễn Ngọc Châu | HTTT2011 | 8.3       | 86  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 27. | 11520132 | Nguyễn Phi Hùng       | HTTT2011 | 8.9       | 100 | Giỏi     | 3,300,000 |



| Stt | MSSV     | Họ tên                  | Lớp      | ĐTB<br>HK | ĐRL | Xếp loại | Số tiền   |
|-----|----------|-------------------------|----------|-----------|-----|----------|-----------|
| 28. | 11520232 | Đặng Liên Minh          | HTTT2011 | 8.78      | 100 | Giỏi     | 3,300,000 |
| 29. | 11520268 | Thiều Anh Nhất          | HTTT2011 | 8.3       | 100 | Giỏi     | 3,300,000 |
| 30. | 11520401 | Lê Văn Thuỷ             | HTTT2011 | 8.38      | 88  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 31. | 11520412 | Lâm Trí Tín             | HTTT2011 | 8.4       | 100 | Giỏi     | 3,300,000 |
| 32. | 11520685 | Võ Thị Thu Uyên         | HTTT2011 | 8.2       | 100 | Giỏi     | 3,300,000 |
| 33. | 11520137 | Phạm Duy Hưng           | HTTT2011 | 9.3       | 99  | Xuất sắc | 4,000,000 |
| 34. | 12520905 | Đồng Thị Mỹ Quyền       | HTTT2012 | 7.92      | 100 | Khá      | 2,500,000 |
| 35. | 12520731 | Đặng Thị Anh Thư        | HTTT2012 | 8.91      | 98  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 36. | 12520777 | Nguyễn Hà Tuyết Vân     | HTTT2012 | 8.5       | 86  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 37. | 12520794 | Trần Thị Bích Ngọc      | HTTT2012 | 8.09      | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 38. | 12520325 | Nguyễn Hoàng Duy Phương | HTTT2012 | 8.5       | 83  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 39. | 12520368 | Dương Minh Tâm          | HTTT2012 | 8.03      | 95  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 40. | 12520533 | Nguyễn Lê Thiên Ân      | HTTT2012 | 8.38      | 90  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 41. | 12520607 | Nguyễn Văn Huy          | HTTT2012 | 8.1       | 88  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 42. | 12520683 | Nguyễn Trung Quân       | HTTT2012 | 8.13      | 98  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 43. | 12520689 | Nguyễn Đình Quốc        | HTTT2012 | 8.93      | 100 | Giỏi     | 3,300,000 |
| 44. | 13520035 | Lý Gia Bảo              | HTTT2013 | 7.73      | 100 | Khá      | 2,500,000 |
| 45. | 13520342 | Lê Huỳnh Hương          | HTTT2013 | 7.83      | 77  | Khá      | 2,500,000 |
| 46. | 13520604 | Nguyễn Tấn Phát         | HTTT2013 | 7.84      | 84  | Khá      | 2,500,000 |
| 47. | 13520876 | Nguyễn Thị Cẩm Tiên     | HTTT2013 | 7.86      | 100 | Khá      | 2,500,000 |
| 48. | 13520905 | Lê Thị Thùy Trang       | HTTT2013 | 7.97      | 89  | Khá      | 2,500,000 |
| 49. | 13521065 | Văn Thạch Xuân Vy       | HTTT2013 | 7.9       | 80  | Khá      | 2,500,000 |
| 50. | 13520079 | Huỳnh Khắc Chinh        | HTTT2013 | 8.12      | 80  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 51. | 13520537 | Hoàng Thị Thanh Ngân    | HTTT2013 | 8.03      | 90  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 52. | 13520767 | Lê Thị Hồng Thắm        | HTTT2013 | 8.83      | 95  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 53. | 13520770 | Trần Thị Thắng          | HTTT2013 | 8.19      | 90  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 54. | 10520448 | Xa Thị Mỹ Hương         | KHMT2010 | 8.7       | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 55. | 10520526 | Lê Hà Nam               | KHMT2010 | 8.71      | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 56. | 10520207 | Nguyễn Thị Mỹ Dung      | KHMT2010 | 8.89      | 90  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 57. | 10520213 | Lê Duy Thành            | KHMT2010 | 8.78      | 88  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 58. | 10520507 | Lê Hữu Vinh             | KHMT2010 | 9.07      | 96  | Xuất sắc | 3,600,000 |
| 59. | 11520041 | Phan Hải Đăng           | KHMT2011 | 8.28      | 84  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 60. | 11520161 | Bùi Lê Kha              | KHMT2011 | 8.22      | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 61. | 11520198 | Hoàng Xuân Lâm          | KHMT2011 | 8.5       | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 62. | 11520246 | Huỳnh Trọng Nghĩa       | KHMT2011 | 9.4       | 82  | Giỏi     | 3,000,000 |



| Stt | MSSV     | Họ tên                  | Lớp      | ĐTB HK | ĐRL | Xếp loại | Số tiền   |
|-----|----------|-------------------------|----------|--------|-----|----------|-----------|
| 63. | 11520329 | Ngô Thị Hồng Sen        | KHMT2011 | 8.3    | 94  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 64. | 11520502 | Trần Trường An          | KHMT2011 | 8.17   | 89  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 65. | 11520239 | Trần Duy Nam            | KHMT2011 | 8.42   | 100 | Giỏi     | 3,300,000 |
| 66. | 11520662 | Nguyễn Văn Trắng        | KHMT2011 | 8.5    | 95  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 67. | 12520560 | Phan Tấn Đạt            | KHMT2012 | 7.76   | 86  | Khá      | 2,500,000 |
| 68. | 12520564 | Phan Trung Đông         | KHMT2012 | 7.79   | 90  | Khá      | 2,500,000 |
| 69. | 12520167 | Phạm Nguyên Hưng        | KHMT2012 | 8.36   | 93  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 70. | 12520332 | Cáp Hữu Quân            | KHMT2012 | 8.73   | 96  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 71. | 12520636 | Bùi Đức Lực             | KHMT2012 | 8.06   | 83  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 72. | 12520855 | Trương Hoàng Diễm Huyền | KHMT2012 | 8.33   | 93  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 73. | 12520894 | Võ Hoài Phong           | KHMT2012 | 8.63   | 99  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 74. | 12520776 | Bùi Quốc Tý             | KHMT2012 | 8.71   | 100 | Giỏi     | 3,300,000 |
| 75. | 12520940 | Nguyễn Hạ Anh Vũ        | KHMT2012 | 8.24   | 94  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 76. | 12520888 | Lê Thị Bít Nhi          | KHMT2012 | 9.07   | 90  | Xuất sắc | 3,600,000 |
| 77. | 13520090 | Hồ Chí Công             | KHMT2013 | 7.45   | 79  | Khá      | 2,500,000 |
| 78. | 13520154 | Nguyễn Nhật Duy         | KHMT2013 | 7.79   | 88  | Khá      | 2,500,000 |
| 79. | 13520216 | Lê Trọng Đức            | KHMT2013 | 7.39   | 88  | Khá      | 2,500,000 |
| 80. | 13520363 | Trần Quốc Bảo Huy       | KHMT2013 | 7.82   | 87  | Khá      | 2,500,000 |
| 81. | 13520431 | Lê Hoàng Lâm            | KHMT2013 | 7.75   | 84  | Khá      | 2,500,000 |
| 82. | 13520477 | Lê Văn Luận             | KHMT2013 | 7.37   | 84  | Khá      | 2,500,000 |
| 83. | 13520489 | Lê Thị Tuyết Mai        | KHMT2013 | 7.67   | 87  | Khá      | 2,500,000 |
| 84. | 13520568 | Võ Đình Nhã             | KHMT2013 | 7.45   | 100 | Khá      | 2,500,000 |
| 85. | 13520625 | Phạm Nguyễn Tâm Phú     | KHMT2013 | 7.84   | 86  | Khá      | 2,500,000 |
| 86. | 13520653 | Phạm Ngọc Phước         | KHMT2013 | 7.93   | 86  | Khá      | 2,500,000 |
| 87. | 13520900 | Nguyễn Xuân Toàn        | KHMT2013 | 7.74   | 100 | Khá      | 2,500,000 |
| 88. | 13520975 | Hồ Hoàng Tú             | KHMT2013 | 7.39   | 85  | Khá      | 2,500,000 |
| 89. | 13520045 | Trần Ngọc Bắc           | KHMT2013 | 8.64   | 88  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 90. | 11520139 | Nguyễn Văn Hương        | KHTN2011 | 9.2    | 90  | Xuất sắc | 3,600,000 |
| 91. | 11520215 | Phạm Tấn Lộc            | KHTN2011 | 9.5    | 99  | Xuất sắc | 3,600,000 |
| 92. | 11520367 | Nguyễn Như Thanh        | KHTN2011 | 9.4    | 91  | Xuất sắc | 3,600,000 |
| 93. | 11520539 | Nguyễn Trần Duy         | KHTN2011 | 9.6    | 93  | Xuất sắc | 3,600,000 |
| 94. | 11520671 | Võ Nhật Trường          | KHTN2011 | 9.1    | 93  | Xuất sắc | 3,600,000 |
| 95. | 11520094 | Nguyễn Trí Hải          | KHTN2011 | 9.3    | 100 | Xuất sắc | 4,000,000 |
| 96. | 11520603 | Nguyễn Hoàng Nghĩa      | KHTN2011 | 9      | 100 | Xuất sắc | 4,000,000 |
| 97. | 12520866 | Ông Tấn Lộc             | KHTN2012 | 7.87   | 83  | Khá      | 2,500,000 |



| Stt  | MSSV     | Họ tên                 | Lớp      | ĐTB<br>HK | ĐRL | Xếp loại | Số tiền   |
|------|----------|------------------------|----------|-----------|-----|----------|-----------|
| 98.  | 12520478 | Cao Ngọc Tuấn          | KHTN2012 | 8.63      | 93  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 99.  | 13520074 | Phạm Đỗ Kim Chi        | KHTN2013 | 8.55      | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 100. | 13520280 | Đinh Quang Hình        | KHTN2013 | 8.39      | 93  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 101. | 13520376 | Hoàng Văn Kế           | KHTN2013 | 8.39      | 98  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 102. | 13521082 | Ngô Thanh Lợi          | KHTN2013 | 8.87      | 88  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 103. | 10520376 | Trần Thái Quốc Bảo     | KTMT2010 | 7.3       | 72  | Khá      | 2,500,000 |
| 104. | 11520289 | Nguyễn Xuân Phúc       | KTMT2011 | 7.97      | 95  | Khá      | 2,500,000 |
| 105. | 11520338 | Võ Hữu Tài             | KTMT2011 | 7.97      | 96  | Khá      | 2,500,000 |
| 106. | 11520067 | Võ Đại Đồng            | KTMT2011 | 8         | 92  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 107. | 11520230 | Nguyễn Văn Minh        | KTMT2011 | 8.19      | 86  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 108. | 11520253 | Phan Trần Như Ngọc     | KTMT2011 | 8.3       | 93  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 109. | 11520272 | Hồ Văn Ninh            | KTMT2011 | 8.11      | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 110. | 11520711 | Ngô Hiếu Trường        | KTMT2011 | 8.5       | 96  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 111. | 11520003 | Huỳnh Văn An           | KTMT2011 | 8.35      | 88  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 112. | 11520072 | Võ Văn Đức             | KTMT2011 | 8.69      | 87  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 113. | 11520460 | Trần Quốc Tuấn         | KTMT2011 | 8.33      | 87  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 114. | 11520537 | Trần Đại Dương         | KTMT2011 | 8.75      | 100 | Giỏi     | 3,300,000 |
| 115. | 12520072 | Nguyễn Tiến Đình       | KTMT2012 | 7.97      | 100 | Khá      | 2,500,000 |
| 116. | 12520719 | Lê Hoàng Phúc Thiện    | KTMT2012 | 7.97      | 80  | Khá      | 2,500,000 |
| 117. | 12520033 | Nguyễn Văn Bông        | KTMT2012 | 8.75      | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 118. | 12520068 | Hồ Quý Đầy             | KTMT2012 | 8         | 93  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 119. | 12520544 | Nguyễn Minh Chánh      | KTMT2012 | 8.7       | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 120. | 12520561 | Nguyễn Trần Tiến Đạt   | KTMT2012 | 8.11      | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 121. | 12520726 | Quách Đức Thọ          | KTMT2012 | 8.63      | 90  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 122. | 12520778 | Cao Triệu Vĩ           | KTMT2012 | 8.47      | 86  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 123. | 12520850 | Vũ Thị Thanh Huệ       | KTMT2012 | 8.35      | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 124. | 12520942 | Đoàn Văn Vũ            | KTMT2012 | 8.47      | 90  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 125. | 12520508 | Lâm Bình Vinh          | KTMT2012 | 8         | 90  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 126. | 12520799 | Đặng Thị Kim Luyến     | KTMT2012 | 8.21      | 100 | Giỏi     | 3,300,000 |
| 127. | 13520071 | Nguyễn Hoàng Minh Châu | KTMT2013 | 7.63      | 76  | Khá      | 2,500,000 |
| 128. | 13520346 | Lê Ngọc Huy            | KTMT2013 | 7.41      | 81  | Khá      | 2,500,000 |
| 129. | 13520449 | Lê Khánh Linh          | KTMT2013 | 7.39      | 100 | Khá      | 2,500,000 |
| 130. | 13520472 | Phạm Hoài Luân         | KTMT2013 | 7.39      | 91  | Khá      | 2,500,000 |
| 131. | 13520549 | Phan Phước Nghiệp      | KTMT2013 | 7.36      | 86  | Khá      | 2,500,000 |
| 132. | 13520631 | Trần Thiên Phú         | KTMT2013 | 7.47      | 84  | Khá      | 2,500,000 |



| Stt  | MSSV     | Họ tên                  | Lớp      | ĐTB<br>HK | ĐRL | Xếp loại | Số tiền   |
|------|----------|-------------------------|----------|-----------|-----|----------|-----------|
| 133. | 13520774 | Nguyễn Phước Thắng      | KTMT2013 | 7.78      | 89  | Khá      | 2,500,000 |
| 134. | 13520834 | Nguyễn Phúc Thịnh       | KTMT2013 | 7.71      | 91  | Khá      | 2,500,000 |
| 135. | 13520811 | Bùi Trung Thiên         | KTMT2013 | 8.16      | 84  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 136. | 13520462 | Trần Hoàng Lộc          | KTMT2013 | 8.89      | 100 | Giỏi     | 3,300,000 |
| 137. | 13520030 | Trương Kim Ân           | KTMT2013 | 9         | 100 | Xuất sắc | 3,600,000 |
| 138. | 10520061 | Phan Văn Tâm            | KTPM2010 | 8.19      | 85  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 139. | 10520097 | Nguyễn Thanh Tiến       | KTPM2010 | 8.68      | 85  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 140. | 10520231 | Võ Công Sơn             | KTPM2010 | 8.28      | 85  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 141. | 10520266 | Bùi Nguyễn Duy Hiếu     | KTPM2010 | 8.15      | 85  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 142. | 10520312 | Đỗ Văn Tuấn             | KTPM2010 | 8.14      | 84  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 143. | 10520378 | Nguyễn Giang Châu       | KTPM2010 | 8.22      | 93  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 144. | 10520422 | Trần Hữu Linh           | KTPM2010 | 8.82      | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 145. | 10520434 | Trần Đình Thi           | KTPM2010 | 8.43      | 96  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 146. | 10520462 | Đoàn Quang Khôi         | KTPM2010 | 8.09      | 87  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 147. | 11520086 | Nguyễn Thành Duyệt      | KTPM2011 | 7.52      | 86  | Khá      | 2,500,000 |
| 148. | 11520317 | Nguyễn Nam Quý          | KTPM2011 | 7.61      | 100 | Khá      | 2,500,000 |
| 149. | 11520357 | Nguyễn Thành Thái       | KTPM2011 | 7.53      | 87  | Khá      | 2,500,000 |
| 150. | 11520364 | Nguyễn Quốc Thắng       | KTPM2011 | 7.48      | 87  | Khá      | 2,500,000 |
| 151. | 11520431 | Huỳnh Hồ Thị Mộng Trinh | KTPM2011 | 7.55      | 100 | Khá      | 2,500,000 |
| 152. | 11520444 | Chế Minh Tú             | KTPM2011 | 7.86      | 87  | Khá      | 2,500,000 |
| 153. | 11520458 | Nguyễn Hữu Tuấn         | KTPM2011 | 7.85      | 89  | Khá      | 2,500,000 |
| 154. | 11520039 | Trần Tiến Đại           | KTPM2011 | 8.16      | 93  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 155. | 11520491 | Lương Triều Vũ          | KTPM2011 | 8.25      | 81  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 156. | 11520220 | Bùi Ngọc Long           | KTPM2011 | 8.25      | 85  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 157. | 12520243 | Phạm Tâm Long           | KTPM2012 | 8.66      | 91  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 158. | 12520246 | Trần Thành Luân         | KTPM2012 | 8.2       | 88  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 159. | 12520248 | Trần Minh Luận          | KTPM2012 | 8.19      | 93  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 160. | 12520324 | Đỗ Hoàng Phương         | KTPM2012 | 8.57      | 84  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 161. | 12520338 | Phạm Thanh Quân         | KTPM2012 | 8.77      | 96  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 162. | 12520356 | Hoàng Huy Sơn           | KTPM2012 | 8.18      | 93  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 163. | 12520367 | Dư Phát Tài             | KTPM2012 | 8.57      | 93  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 164. | 12520406 | Hồ Thị Thanh Thảo       | KTPM2012 | 8.36      | 98  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 165. | 12520424 | Đoàn Thị Xuân Thu       | KTPM2012 | 8.17      | 99  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 166. | 12520487 | Văn Vũ Tuấn             | KTPM2012 | 8.5       | 93  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 167. | 12520053 | Nguyễn Viết Danh        | KTPM2012 | 8.88      | 100 | Giỏi     | 3,300,000 |



| Stt  | MSSV     | Họ tên                | Lớp      | ĐTB<br>HK | ĐRL | Xếp loại | Số tiền   |
|------|----------|-----------------------|----------|-----------|-----|----------|-----------|
| 168. | 12520066 | Trần Đình Đạt         | KTPM2012 | 8.5       | 97  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 169. | 12520083 | Lâm Quốc Dũng         | KTPM2012 | 8.19      | 96  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 170. | 12520170 | Trương Thị Diễm Hương | KTPM2012 | 8.16      | 86  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 171. | 12520510 | Lê Quang Vinh         | KTPM2012 | 8.57      | 89  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 172. | 12520502 | Võ Hắc Việt           | KTPM2012 | 9.13      | 100 | Xuất sắc | 3,600,000 |
| 173. | 12520212 | Nguyễn Lê Tuấn Kiệt   | KTPM2012 | 9.4       | 100 | Xuất sắc | 4,000,000 |
| 174. | 13520231 | Nguyễn Thanh Hải      | KTPM2013 | 8.27      | 84  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 175. | 13520437 | Phạm Tuyết Lệ         | KTPM2013 | 8.14      | 88  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 176. | 13520540 | Nguyễn Quang Nghĩa    | KTPM2013 | 8.61      | 84  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 177. | 13520580 | Vũ Minh Nhật          | KTPM2013 | 8.07      | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 178. | 13520715 | Trương Ngọc Sơn       | KTPM2013 | 8.58      | 89  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 179. | 13520799 | Phạm Thị Phương Thảo  | KTPM2013 | 8.53      | 88  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 180. | 13520838 | Phan Văn Thịnh        | KTPM2013 | 8.5       | 93  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 181. | 13520872 | Lê Thanh Thủy         | KTPM2013 | 8.14      | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 182. | 13520898 | Trần Văn Vũ Toàn      | KTPM2013 | 8.11      | 87  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 183. | 13520974 | Nguyễn Trần Anh Tú    | KTPM2013 | 8.66      | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 184. | 13521038 | Hoàng Thế Vinh        | KTPM2013 | 8.5       | 91  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 185. | 13521053 | Đàm Minh Vũ           | KTPM2013 | 8.14      | 92  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 186. | 13520230 | Hoàng Hải             | KTPM2013 | 8.78      | 88  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 187. | 13520590 | Nguyễn Thị Nhon       | KTPM2013 | 8.76      | 94  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 188. | 13520776 | Văn Trương Quốc Thắng | KTPM2013 | 8.61      | 86  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 189. | 10520326 | Lê Hoàng Hòa          | MMTT2010 | 8.47      | 93  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 190. | 10520388 | Trần Thanh Trường     | MMTT2010 | 8.32      | 91  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 191. | 10520504 | Trương Nhựt Bình      | MMTT2010 | 8.5       | 87  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 192. | 10520512 | Trần Phúc Duy         | MMTT2010 | 8.39      | 85  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 193. | 10520636 | Huỳnh Minh Trí        | MMTT2010 | 8.29      | 90  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 194. | 10520010 | Đặng Lê Bảo Chương    | MMTT2010 | 8.57      | 87  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 195. | 10520033 | Trần Tân Phước        | MMTT2010 | 8.71      | 97  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 196. | 10520257 | Trần Phước Thảo       | MMTT2010 | 8.36      | 98  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 197. | 10520322 | Đoàn Trần Hoàng       | MMTT2010 | 8.38      | 100 | Giỏi     | 3,300,000 |
| 198. | 11520296 | Thái Đức Phương       | MMTT2011 | 8.74      | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 199. | 11520350 | Lê Duy Tân            | MMTT2011 | 8.73      | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 200. | 11520497 | Phạm Xuân Y           | MMTT2011 | 8.55      | 99  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 201. | 11520695 | Lê Nguyễn Quang Vũ    | MMTT2011 | 8.78      | 86  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 202. | 11520702 | Nguyễn Phú Cường      | MMTT2011 | 8.47      | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |



| Stt  | MSSV     | Họ tên                 | Lớp      | ĐTB HK | ĐRL | Xếp loại | Số tiền   |
|------|----------|------------------------|----------|--------|-----|----------|-----------|
| 203. | 11520055 | Ngô Hiền Đạt           | MMTT2011 | 8.55   | 100 | Giỏi     | 3,300,000 |
| 204. | 11520093 | Đào Thị Thu Hà         | MMTT2011 | 8.7    | 100 | Giỏi     | 3,300,000 |
| 205. | 11520151 | Nguyễn Thanh Huy       | MMTT2011 | 8.58   | 98  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 206. | 11520279 | Phạm Minh Phát         | MMTT2011 | 8.73   | 91  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 207. | 11520308 | Phan Quốc Quang        | MMTT2011 | 8.95   | 98  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 208. | 11520549 | Ngô Văn Hào            | MMTT2011 | 8.72   | 98  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 209. | 11520267 | Lý Trọng Nhân          | MMTT2011 | 9.4    | 100 | Xuất sắc | 4,000,000 |
| 210. | 12520007 | Lê Việt Anh            | MMTT2012 | 8.53   | 90  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 211. | 12520119 | Trương Hoài Giang      | MMTT2012 | 8.47   | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 212. | 12520129 | Nguyễn Thị Hồng Hạnh   | MMTT2012 | 8.46   | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 213. | 12520168 | Hoàng Thị Thu Hương    | MMTT2012 | 8.21   | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 214. | 12520190 | Vũ An Khang            | MMTT2012 | 8.41   | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 215. | 12520266 | Dương Thị Mỹ           | MMTT2012 | 8.75   | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 216. | 12520282 | Nguyễn Phạm Thùy Ngân  | MMTT2012 | 8.2    | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 217. | 12520331 | Lâm Vĩ Phụng           | MMTT2012 | 8.41   | 98  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 218. | 12520396 | Đỗ Bảo Thành           | MMTT2012 | 8.26   | 98  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 219. | 12520429 | Trần Hữu Thuận         | MMTT2012 | 8.41   | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 220. | 12520447 | Trần Văn Toàn          | MMTT2012 | 8.35   | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 221. | 12520513 | Thiều Quang Vinh       | MMTT2012 | 8.18   | 96  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 222. | 12520709 | Dương Thị Mỹ Thanh     | MMTT2012 | 8.82   | 83  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 223. | 12520798 | Kiều Văn Phước         | MMTT2012 | 8.09   | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |
| 224. | 12520919 | Đỗ Hùng Thịnh          | MMTT2012 | 8.38   | 94  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 225. | 12520379 | Tổng Duy Tân           | MMTT2012 | 8.97   | 100 | Giỏi     | 3,300,000 |
| 226. | 13520073 | Võ Thị Minh Chi        | MMTT2013 | 7.47   | 90  | Khá      | 2,500,000 |
| 227. | 13520315 | Lê Minh Khánh Hội      | MMTT2013 | 7.73   | 89  | Khá      | 2,500,000 |
| 228. | 13520454 | Nguyễn Thị Phương Loan | MMTT2013 | 7.52   | 93  | Khá      | 2,500,000 |
| 229. | 13520475 | Phan Hoài Bảo Luân     | MMTT2013 | 7.55   | 82  | Khá      | 2,500,000 |
| 230. | 13520533 | Nguyễn Thị Kiều Nga    | MMTT2013 | 7.56   | 84  | Khá      | 2,500,000 |
| 231. | 13520688 | Trần Văn Quỳnh         | MMTT2013 | 7.79   | 93  | Khá      | 2,500,000 |
| 232. | 13520728 | Lâm Thành Tài          | MMTT2013 | 7.52   | 79  | Khá      | 2,500,000 |
| 233. | 13520766 | Bùi Thị Thắm           | MMTT2013 | 7.89   | 100 | Khá      | 2,500,000 |
| 234. | 13520849 | Nguyễn Văn Thông       | MMTT2013 | 7.55   | 77  | Khá      | 2,500,000 |
| 235. | 13521037 | Nguyễn Thành Vin       | MMTT2013 | 7.66   | 100 | Khá      | 2,500,000 |
| 236. | 13520115 | Nguyễn Thị Hoàng Diễm  | MMTT2013 | 8.34   | 87  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 237. | 13520160 | Nguyễn Văn Duy         | MMTT2013 | 8.06   | 100 | Giỏi     | 3,000,000 |



| Stt  | MSSV     | Họ tên                | Lớp      | ĐTB<br>HK | ĐRL | Xếp loại | Số tiền   |
|------|----------|-----------------------|----------|-----------|-----|----------|-----------|
| 238. | 13520456 | Phạm Nguyễn Hoàng Lộc | MMTT2013 | 8.11      | 84  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 239. | 13520534 | Trần Thị Hằng Nga     | MMTT2013 | 8.15      | 86  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 240. | 13520660 | Châu Minh Phương      | MMTT2013 | 8         | 93  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 241. | 13520997 | Hoàng Minh Tuấn       | MMTT2013 | 8.13      | 88  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 242. | 13520158 | Trần Quang Duy        | MMTT2013 | 8.71      | 98  | Giỏi     | 3,300,000 |
| 243. | 13520367 | Vũ Đức Huy            | MTCL2013 | 8.42      | 70  | Khá      | 2,500,000 |
| 244. | 13520017 | Phạm Tuấn Anh         | PMCL2013 | 8.45      | 82  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 245. | 13520490 | Phạm Minh Mẫn         | PMCL2013 | 8.27      | 90  | Giỏi     | 3,000,000 |
| 246. | 13520285 | Huỳnh Thái Hòa        | PMCL2013 | 8.93      | 80  | Giỏi     | 3,300,000 |

Danh sách gồm 246 sinh viên.

Người lập bảng



Phạm Thị Nhân

Trưởng phòng CTSV



Nguyễn Văn Toàn

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Vũ Đức Lung